SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 929/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0050 ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh phường Trương Quang Trongj,t ỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	9	2	9	2	5

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Bể chứa Dung Quất** *(Manufacturer)*
5.	Chủ Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu: **10/10/25** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **10-22/10/25** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **24/10/25** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa- Vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
9.	**KẾT LUẬN** *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.**
10.	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **GIÁM ĐỐC** *(Director)*

BẠCH THỊ THÙY SƯƠNG

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI — TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI

Võ Thanh Tân

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban) (*)	TCU	≤15	KPH (LOD=1,9)	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023,QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,92	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0006)	SMEWW 3114B:2023
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,8	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤2	0,64	TCVN 6186-1996
10	Amoni (NH_3 và NH^+_4 tính theo N)(*) (**)	mg/l	≤0,3	KPH (LOD=0,05)	SMEWW 4500 NH_3 F:2023

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 930/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

AOSC VLAT 1.0050 ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh phường Trương Quang Trongj,t inh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	9	3	0	2	5

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất** *(Manufacturer)*
5.	Chủ Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu: **10/10/25** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **10-22/10/25** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **24/10/25** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa- Vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
9.	**KẾT LUẬN** *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.**
10.	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **GIÁM ĐỐC** *(Director)*

BẠCH THỊ THÙY SƯƠNG

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI — TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI

Võ Thanh Tân

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban) (*)	TCU	≤15	KPH (LOD=1,9)	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023,QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,93	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0006)	SMEWW 3114B:2023
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤2	0,64	TCVN 6186-1996
10	Amoni (NH_3 và NH^+_4 tính theo N)(*) (**)	mg/l	≤0,3	KPH (LOD=0,05)	SMEWW 4500 NH_3 F:2023

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 931/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 10 năm 2025

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0050 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh phường Trương Quang Trongj,t inh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	9	3	1	2	5

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **KDC Bình Đông** *(Manufacturer)*
5.	Chủ Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu: **10/10/25** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **10-22/10/25** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **24/10/25** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa- Vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
9.	**KẾT LUẬN** *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.**
10.	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **GIÁM ĐỐC** *(Director)*

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI — TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI

Võ Thanh Tân

BẠCH THỊ THÙY SƯƠNG

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban) (*)	TCU	≤15	KPH (LOD=1,9)	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023,QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	7,40	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0006)	SMEWW 3114B:2023
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,2	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤2	0,48	TCVN 6186-1996
10	Amoni (NH_3 và NH^+_4 tính theo N)(*) (**)	mg/l	≤0,3	KPH (LOD=0,05)	SMEWW 4500 NH_3 F:2023

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 953/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0050 ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh phường Trương Quang Trongj,t ỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	9	5	3	2	5

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Bể chứa Dung Quất** *(Manufacturer)*
5.	Chủ Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu: **22/10/25** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **22-29/10/25** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **31/10/25** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa- Vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
9.	**KẾT LUẬN** *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.**
10.	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **LÊ THỊ HÀ HẠNH** — **GIÁM ĐỐC** *(Director)* — SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI — Võ Thanh Tân

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

Số 953/KNN/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban) (*)	TCU	≤15	KPH (LOD=1,9)	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023,QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	7,15	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0006)	SMEWW 3114B:2023
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,8	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤2	0,64	TCVN 6186-1996
10	Amoni (NH_3 và NH^+_4 tính theo N)(*) (**)	mg/l	≤0,3	KPH (LOD=0,05)	SMEWW 4500 NH_3 F:2023

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 954/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0050 ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh phường Trương Quang Trongj,t inh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	9	5	4	2	5

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất** *(Manufacturer)*
5.	Chủ Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu: **22/10/25** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **22-29/10/25** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **31/10/25** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa- Vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
9.	**KẾT LUẬN** *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.**
10.	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **LÊ THỊ HÀ HẠNH** — **GIÁM ĐỐC** *(Director)* — SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI — Võ Thanh Tân

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

Số 954/KNN/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban) (*)	TCU	≤15	KPH (LOD=1,9)	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023,QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	7,00	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0006)	SMEWW 3114B:2023
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤2	0,48	TCVN 6186-1996
10	Amoni (NH_3 và NH^+_4 tính theo N)(*) (**)	mg/l	≤0,3	<0,16	SMEWW 4500 NH_3 F:2023

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 955/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 31tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

ilac-MRA
AOSC VLAT 1.0050 ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh phường Trương Quang Trongj,t ỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	9	5	5	2	5

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **KDC Bình Đông** *(Manufacturer)*
5.	Chủ Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu: **22/10/25** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **22-29/10/25** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **31/10/25** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa- Vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
9.	**KẾT LUẬN** *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.**
10.	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **LÊ THỊ HÀ HẠNH** — **GIÁM ĐỐC** *(Director)* — SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI — Võ Thanh Tân

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến

Số 955/KNN/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban) (*)	TCU	≤15	KPH (LOD=1,9)	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023,QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,90	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0006)	SMEWW 3114B:2023
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,2	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤2	0,48	TCVN 6186-1996
10	Amoni (NH_3 và NH^+_4 tính theo N)(*) (**)	mg/l	≤0,3	<0,16	SMEWW 4500 NH_3 F:2023

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*
Kết quả thử nghiệm ghi trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến